TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2017
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Trúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Hoàng Nguyễn
2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2016/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn D, sinh năm 1975; (có mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1978; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/10/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày: anh và chị N cưới nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2003 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, chị N tự ý quyết định tất cả các vấn đề trong gia đình, không tôn trọng ý kiến của anh nên vợ chồng thường xuyên cải vả và ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thị Kim Q, sinh ngày: 22/12/1998, đã thành niên và Trần Quốc H, sinh ngày: 29/9/2002, hiện

đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: vợ chồng không có tài sản.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng chị N không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh D và chị N ly thân đã lâu nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thị Kim Q, sinh ngày: 22/12/1998, đã thành niên và Trần Quốc H, sinh ngày: 29/9/2002, căn cứ vào yêu cầu của anh D, nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận để anh D tiếp tục nuôi cháu H, anh D tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Vì lợi ích của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con đảm bảo theo quy định tại Điều 81 và được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Hồng N cưới nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào 16/01/2003 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo qui định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với chị Nguyễn Thị Hồng N, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị N vẫn không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị N.

Về nội dung:

Theo anh D thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, chị N không tôn trọng anh, tự ý quyết định tất cả mọi vấn đề trong gia đình mà không hỏi ý kiến anh D nên vợ chồng cải vã, khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không biết cách quan tâm, chia sẻ với nhau để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên vợ chồng ngày càng

xa cách và ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, anh D cương quyết yêu cầu ly hôn với chị N. Đối với chị Nguyễn Thị Hồng N, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng chị N vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh D cũng như không đến Tòa án để giải quyết cho thấy chị N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa anh D và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Trần Thị Kim Q, sinh ngày: 22/12/1998, đã thành niên và Trần Quốc H, sinh ngày: 29/9/2002. Hiện cháu H đang sống với anh D, cuộc sống đã ổn định, nguyện vọng của cháu H muốn ở cùng với anh D nên việc anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh D tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Chị N không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: anh D nêu vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: anh Trần Văn D phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D về việc "tranh chấp ly hôn" đối với chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về hôn nhân: anh Trần Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về nuôi con chung: anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Hồng N có 02 con chung là Trần Thị Kim Q, sinh ngày: 22/12/1998, đã thành niên và Trần Quốc H, sinh ngày: 29/9/2002. Anh D được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày: 29/9/2002. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005714 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh D đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc